

Số: 04/2018/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 18 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 688./TTr-SNV ngày 21 tháng 12 năm 2017 V/v Ban hành Quy chế quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018 và thay thế Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành,

đoàn thể cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *NKS*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh (để b/c);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các TV HĐTĐKT tỉnh;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- Đài PTTH tỉnh, Báo BR-VT;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh BR-VT;
- Website Hội đồng TĐKT tỉnh BR-VT;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, SNV, TĐKT (3).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

(C. CHỦ TỊCH)

PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Đặng Minh Thông

QUY CHẾ

Về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Quyết định số .04../2018/QĐ-UBND

ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về: Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc thi đua, khen thưởng; tổ chức thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn xét danh hiệu thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn xét khen thưởng; thẩm quyền quyết định, xét duyệt trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; quy trình, phương pháp bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; thủ tục hồ sơ, thời gian trình hồ sơ khen thưởng và quản lý hồ sơ khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp; kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại tố cáo về thi đua, khen thưởng.

Các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng có liên quan khác không được quy định trong văn bản này thì được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh.
2. Các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.
3. Các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh.
4. Cơ quan, đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.
5. Công dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
6. Tập thể và cá nhân ở các địa phương khác; người Việt Nam đang sinh sống, làm việc và học tập ở nước ngoài; người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích và công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
- b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

- a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng. Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng;

c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng. Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được;

d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất;

đ) Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được thực hiện theo quy định chung;

e) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu;

g) Không xét, đề nghị khen thưởng đối với các tập thể sau: Đảng bộ, chi bộ đạt loại yếu kém; đơn vị để xảy ra lãng phí, tham nhũng gây thiệt hại, thất thoát tài sản của Nhà nước; hồ sơ đề nghị khen thưởng không đúng thời gian, báo cáo thành tích không thể hiện thành tích và đầy đủ các nội dung theo quy định;

h) Không xét, đề nghị khen thưởng đối với các cá nhân sau: Vi phạm kỷ luật dưới mọi hình thức; hồ sơ đề nghị khen thưởng không đúng thời gian, báo cáo thành tích không thể hiện thành tích và đầy đủ các nội dung theo quy định;

i) Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ;

k) Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen

thường lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA VÀ ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1

TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức thi đua và nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Tùy theo mục tiêu và phạm vi thi đua, thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) có thể tổ chức với quy mô rộng lớn trong nhiều ngành, địa phương, không bó hẹp trong một cơ quan, tổ chức, đơn vị. Mốc thời gian phát động thi đua quy định là hàng năm, 01 năm, 05 năm, 10 năm... Khi tiến hành sơ kết, tổng kết, lãnh đạo các tổ chức, cơ quan, đơn vị thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức trong phạm vi toàn tỉnh, cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức phong trào thi đua lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

Điều 5. Đăng ký thi đua (đối với thi đua thường xuyên)

1. Các tập thể, cá nhân khi tham gia phong trào thi đua phải thực hiện đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua.

2. Hàng năm, các cụm, khối thi đua và các cơ quan, đơn vị tổ chức đăng ký thi đua và ký kết giao ước thi đua trong cụm, khối và trong cơ quan, đơn vị. Nội dung đăng ký bao gồm:

a) Nội dung, chỉ tiêu thi đua bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ chính trị của cụm, khối và cơ quan, đơn vị.

b) Đăng ký các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ.

c) Thời gian đăng ký thi đua trước ngày 31 tháng 3 hàng năm; đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

d) Tập thể, cá nhân không đăng ký thi đua thì không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, phát động phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp, hợp tác xã có trách nhiệm tổ chức phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức mình, tổ chức và phối hợp với các cơ quan Nhà nước để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng. Tổ chức giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng, về các phong trào thi đua yêu nước. Phát hiện, phản ánh các điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua, những mô hình mới, cách làm hay, gương người tốt việc tốt để phổ biến, nhân rộng, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước của tỉnh; đồng thời đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Mục 2

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN VÀ TỶ LỆ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Đối tượng, tiêu chuẩn, tỷ lệ xét tặng danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”:

a) Đối tượng xét tặng: Xét tặng cho tập thể là đơn vị thành viên thuộc cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

b) Tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

c) Tỷ lệ xét tặng: Giao cho Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cho phù hợp với quy định của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên và tình hình địa phương.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

a) Đối tượng xét tặng:

Đối với các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương: Xét tặng cho các phòng, ban và tương đương, cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp trực thuộc; tập thể thuộc chi cục (hoặc tương đương), khoa, phòng thuộc bệnh viện hạng I, bệnh viện hạng II có số lượng công chức, viên chức từ 20 người trở lên.

Đối với các huyện, thành phố: Xét tặng cho các phòng, ban và tương đương; đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các ban của Đảng, Mặt trận, Đoàn thể và cấp tương đương của huyện, thành phố; tập thể cán bộ, công chức các xã, phường, thị trấn.

Đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh, hợp tác xã,... (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc trực tiếp như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

b) Tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

c) Tỷ lệ xét tặng: Không quá 30% trong tổng số tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” thuộc đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” nêu tại điểm a khoản này. Khi tính tỷ lệ, nếu số dư quá bán thì được đề nghị thêm 01.

3. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”:

a) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

b) Tỷ lệ xét tặng: Ủy ban nhân dân tỉnh không quy định tỷ lệ khen thưởng; các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào thực tế phong trào thi đua, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và khả năng quỹ thi đua khen thưởng được trích lập để quy định tỷ lệ xét tặng danh hiệu này trong đơn vị sao cho phù hợp.

Điều 8. Đối tượng, tiêu chuẩn, tỷ lệ xét tặng danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”:

a) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Tỷ lệ xét tặng: Không quá 20% trong tổng số cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định của toàn ngành, địa phương, doanh nghiệp. Khi tính tỷ lệ, nếu số dư quá bán thì được đề nghị thêm 01. Đối với các đơn vị không đủ số lượng để chọn theo tỷ lệ thì được chọn 01 cá nhân nhưng phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”:

a) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Tỷ lệ xét tặng: Không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị. Trong đó: 20% là đối tượng cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị (Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương), 40% là đối tượng Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương, 40% là đối tượng không giữ chức vụ. Khi tính tỷ lệ, nếu số dư quá bán thì được đề nghị thêm 01.

Đối với những cơ quan, đơn vị có các đồng chí giữ chức vụ Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nếu đủ tiêu chuẩn thì xem xét công nhận, không tính chung vào tỷ lệ 15% của cơ quan, đơn vị. Đối với cá nhân thuộc các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thì tính vào tỷ lệ 15% của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

a) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Tỷ lệ xét tặng: Ủy ban nhân dân tỉnh không quy định tỷ lệ khen thưởng; các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào thực tế phong trào thi đua, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và khả năng quỹ thi đua khen thưởng được trích lập để quy định tỷ lệ xét tặng danh hiệu này trong đơn vị sao cho phù hợp.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 9. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khen thưởng thành tích thường xuyên:

a) Đối tượng, tiêu chuẩn: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Tỷ lệ xét khen thưởng: Không quá 50% trong tổng số tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định. Trong đó, đối với Bằng khen cho cá nhân: 20% là đối tượng giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị (Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương), 40% là đối tượng Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương, 40% là đối tượng không giữ chức vụ.

2. Khen thưởng thành tích đột xuất:

a) Tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Khen thưởng thành tích đột xuất chủ yếu thực hiện ở sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị. Trường hợp lập thành tích đặc biệt xuất sắc, phạm vi ảnh hưởng đối với toàn tỉnh, toàn quốc thì Thủ trưởng đơn vị đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ tướng Chính phủ xem xét khen thưởng. Cùng một thành tích đột xuất, nếu khen thưởng cho tập thể thì không khen thưởng cho cá nhân và ngược lại.

b) Tập thể, cá nhân đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích (hoặc tương đương) trong các cuộc thi, hội thi, hội diễn cấp quốc tế, quốc gia và đạt giải nhất (hoặc tương đương) trong các cuộc thi, các giải thưởng do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

3. Khen thưởng thành tích theo chuyên đề (hoặc theo đợt):

a) Đối tượng: Xét tặng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc, trực tiếp tham gia triển khai thực hiện các chuyên đề, ưu tiên khen thưởng cho đối tượng trực tiếp tham mưu, người nông dân, công nhân, tập thể có tỷ lệ nữ cao.

b) Số lượng đề nghị khen thưởng sơ kết, tổng kết các chuyên đề do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội, các sở, ban, ngành cấp tỉnh phát động hàng năm trên phạm vi toàn tỉnh không vượt quá quy định sau (trừ các chuyên đề do Chính phủ, bộ, ban, ngành, đoàn thể phát động có quy định số lượng cụ thể hoặc các chuyên đề có quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh): Những chuyên đề từ 05 năm trở lên: 15 tập thể và 30 cá nhân; từ 03 năm đến dưới 05 năm: 10 tập thể và 20 cá nhân; từ 01 năm đến dưới 03 năm: 05 tập thể và 10 cá nhân; dưới 01 năm: 03 tập thể và 06 cá nhân.

c) Trong một năm chỉ đề nghị khen thưởng chuyên đề (hoặc theo đợt) không quá 02 lần đối với tập thể và 01 lần đối với cá nhân. Cá nhân đề nghị khen thưởng phải có phân nửa thời gian tham gia chuyên đề trở lên.

d) Tỷ lệ trình khen thưởng: Người trực tiếp tham gia, thực hiện chuyên đề chiếm 70% trên tổng số danh sách đề nghị khen thưởng. Các cá nhân là lãnh đạo cơ quan, đơn vị tham gia chỉ đạo, cơ quan phối hợp, tuyên truyền chiếm 30% trên tổng số danh sách đề nghị khen thưởng.

đ) Các cơ quan, đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch phát động, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) để theo dõi, hướng dẫn việc thực hiện các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng vào dịp sơ kết, tổng kết chuyên đề.

4. Khen thưởng đối ngoại: Tập thể và cá nhân ở các địa phương khác; người Việt Nam đang sinh sống, làm việc và học tập ở nước ngoài; người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh; có thành tích xuất sắc trong các hoạt động xóa đói, giảm nghèo, nhân đạo, từ thiện; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh.

5. Đối với sự kiện kỷ niệm ngày truyền thống, ngày thành lập đơn vị vào các năm tròn (05 năm), năm chẵn (10 năm): Số lượng đề nghị khen thưởng không quá 05 tập thể và 05 cá nhân; cá nhân đề nghị khen thưởng có nhiều đóng góp tại đơn vị và không vi phạm bị kỷ luật dưới mọi hình thức. Riêng đối với sở, ngành, đơn vị có tổ chức phát động phong trào thi đua theo đúng quy định tại Điều 4 của Quy chế này trên phạm vi toàn tỉnh, toàn ngành để chào mừng các sự kiện trên thì số lượng đề nghị khen thưởng không quá 10 tập thể và 10 cá nhân.

6. Đối với sự kiện đại hội nhiệm kỳ mới của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp cấp tỉnh: Số lượng đề nghị khen thưởng không quá 05 tập thể và 10 cá nhân; cá nhân đề nghị khen thưởng phải hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong suốt nhiệm kỳ trước và thôi không tham gia nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới, không vi phạm bị kỷ luật dưới mọi hình thức.

7. Đối với các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức (như đại hội, lễ hội, hội thi, khai hội, hội thao, diễn đàn...); kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Do Ban Thi đua - Khen thưởng thống nhất với cơ quan trình khen thưởng đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định số lượng đối với từng sự kiện cụ thể.

8. Đối với sơ kết, tổng kết việc triển khai luật, pháp lệnh, nghị định, đề án, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương với thời gian thực hiện từ 05 năm trở lên (dưới 05 năm không khen thưởng): Số lượng đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng không vượt quá 05 tập thể và 10 cá nhân. Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phải có thành tích tiêu biểu trong quá trình triển khai thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định, đề án. Không trình khen thưởng cấp Nhà nước (trừ trường hợp có quy định riêng của Trung ương).

9. Khen thưởng hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có đóng góp bằng công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên (được tính cộng dồn đóng góp nhiều lần trong 01 năm).

10. Khen thưởng các hội là tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm được cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều 11 của Quy chế này xét, đề nghị khen thưởng.

11. Đối với các cơ quan, doanh nghiệp thuộc ngành dọc (do các bộ, ngành trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty quản lý về biên chế, tổ chức): Số lượng đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng không quá 03 tập thể, 05 cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong năm của cơ quan, đơn vị.

Điều 10. Giấy khen

1. Đối tượng, tiêu chuẩn: Thực hiện theo quy định tại khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và khoản 2 Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Tỷ lệ xét khen thưởng:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí khen thưởng đối với các cuộc vận động, phong trào thi đua do sở, ban, ngành, đoàn thể tổ chức trên phạm vi toàn tỉnh với mục tiêu, đối tượng, chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể; có thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả, xét chọn khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong các phong trào thi đua, số lượng khen thưởng như sau: Những chuyên đề từ 05 năm trở lên: 10 tập thể và 20 cá nhân, từ 03 năm đến dưới 05 năm: 07 tập thể và 15 cá nhân, từ 01 năm đến dưới 03 năm: 05 tập thể và 10 cá nhân, dưới 01 năm: 03 tập thể và 06 cá nhân.

Trước ngày 15 tháng 8 hàng năm, các sở, ban, ngành, đoàn thể phải đăng ký kế hoạch chi khen thưởng của năm sau gửi Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm thẩm định kế hoạch kinh phí của các sở, ban, ngành, đoàn thể gửi Sở Tài chính tổng hợp để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ cùng với dự toán chi ngân sách hàng năm.

b) Đối với các cuộc vận động, phong trào thi đua do sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức trong nội bộ ngành, địa phương: Số lượng cụ thể do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, XÉT DUYỆT, TRAO TẶNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 11. Thẩm quyền quyết định, đề nghị khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;

b) Xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước (sau đây gọi chung là khen thưởng cấp Nhà nước);

c) Hiệp y khen thưởng với các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

a) Quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Quyết định tặng thưởng Giấy khen; công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Thôn, ấp, tổ dân phố văn hoá”;

b) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Gia đình văn hóa”;

b) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét, công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn theo quy định.

5. Đối với các tổ chức kinh tế:

a) Đối với các đơn vị nằm trong khối thi đua trực thuộc tỉnh: Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Giám đốc các hợp tác xã quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị Liên minh Hợp tác xã tỉnh xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

b) Đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (không nằm trong khối thi đua trực thuộc tỉnh): Sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc tổ chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

c) Đối với doanh nghiệp có trụ sở chính đóng trong khu công nghiệp do Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc xét, trình khen thưởng cấp Nhà nước.

d) Đối với doanh nghiệp còn lại: Giám đốc doanh nghiệp quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi doanh nghiệp có trụ sở làm việc) công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, trong trường hợp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền thì Giám đốc doanh nghiệp quyết định công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

6. Đối với các hội là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh:

a) Chủ tịch các hội có tổ chức Đảng, Đoàn hoặc tổ chức Đảng trực thuộc Đảng ủy Khối Cơ quan tỉnh: Quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

b) Chủ tịch các tổ chức hội khác: Quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”. Các hội thuộc lĩnh vực nào thì Chủ tịch hội đề nghị Thủ trưởng sở, ban, ngành quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực đó công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

Điều 12. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Đối với những trường hợp sau phải có ý kiến bằng văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi trình Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng, cụ thể như sau:

a) Cán bộ, công chức lãnh đạo thuộc diện Tỉnh ủy quản lý.

b) Các hình thức khen thưởng “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” các hạng, danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ sỹ nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chịu trách nhiệm xét duyệt hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chịu trách nhiệm thẩm định, tổng hợp hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng. Riêng đối với danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, Ban Thi đua - Khen thưởng báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, địa phương chịu trách nhiệm thẩm tra, xét duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 13. Tuyển trình khen thưởng

1. Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết khen thưởng sử dụng hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền, trường hợp đặc biệt tiêu biểu xuất sắc mới đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh liên quan đến sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương nào thì Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương đó quyết định khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

Điều 14. Hiệp y khen thưởng

1. “Hiệp y khen thưởng” là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ xác định trước khi quyết định khen thưởng.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến hiệp y của các cơ quan liên quan. Khi nhận được văn bản xin ý kiến hiệp y, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện), cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời. Sau 07 ngày làm việc nếu không có ý kiến trả lời, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tiến hành các thủ tục trình khen thưởng theo quy định.

3. Khi trình khen thưởng cho tập thể, thủ trưởng các đơn vị đóng trên địa bàn huyện, thành phố có ngành dọc ở cấp tỉnh thì phải lấy ý kiến hiệp y của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh. Việc lấy ý kiến do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện.

4. Khi trình khen thưởng cho doanh nghiệp, giám đốc doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nào thì xin ý kiến hiệp y của cơ quan quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực đó. Việc lấy ý kiến do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện.

Điều 15. Tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Tổ chức trao tặng:

a) Tổ chức trao tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước: Khi có quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ thì các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương có tập thể, cá nhân được khen thưởng phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng) để có kế hoạch hướng dẫn tổ chức trao thưởng.

b) Tổ chức trao tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp tỉnh: Cơ quan, đơn vị có kế hoạch tổ chức trao trong hội nghị sơ kết, tổng kết chuyên đề hay tổng kết năm.

c) Đối với các trường hợp được khen thưởng đột xuất Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, khen thưởng cấp Nhà nước, giao Ban Thi đua - Khen thưởng phối hợp với đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng trực tiếp.

d) Không tổ chức đón rước các hình thức khen thưởng từ cấp này, địa điểm này đến cấp khác, địa điểm khác. Mỗi trường hợp được khen thưởng chỉ trao tặng và đón nhận một lần ở một cấp xét thấy có tác dụng giáo dục nêu gương tốt nhất.

2. Nghi thức trao tặng và tổ chức đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo các điều khoản quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Quy định về tổ

chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài. Yêu cầu buổi lễ phải được tổ chức trang trọng, thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

Chương V

QUY TRÌNH, PHƯƠNG PHÁP BÌNH XÉT CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 16. Quy trình bình xét

1. Ngay từ đầu năm công tác hoặc năm học, các cơ quan, đơn vị tổ chức cho tập thể, cá nhân trong cơ quan, đơn vị tiến hành đăng ký thi đua theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

2. Kết thúc năm công tác hoặc năm học, các cơ quan, đơn vị tổ chức bình xét khen thưởng theo các bước sau:

Bước 1: Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở tổ chức họp xét sáng kiến.

Bước 2: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị và ra quyết định xếp loại.

Bước 3: Căn cứ kết quả xét sáng kiến và kết quả đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở tổ chức họp bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo trình tự sau: Bình chọn cá nhân trước, tập thể sau; danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau; hình thức thấp, mức khen thấp tiến hành trước; hình thức cao, mức khen cao tiến hành sau. Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền.

Điều 17. Phương pháp bình xét

1. Việc bình xét được thực hiện bằng hình thức giơ tay biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín. Riêng đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, khi bình xét bắt buộc phải bằng hình thức bỏ phiếu kín.

2. Cá nhân, tập thể được chọn đề nghị khen thưởng phải có ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 70% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản). Riêng đối với các danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng. Việc bình xét phải được ghi thành biên bản.

3. Trong xét khen thưởng tổng kết năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương phải cân đối tỷ lệ khen thưởng hợp lý giữa người giữ chức vụ lãnh đạo quản lý và người không giữ chức vụ. Trên cơ sở so sánh thành tích giữa các cá nhân có cùng chức trách nhiệm vụ được giao, phân định thành các nhóm để xét như sau:

Nhóm 1: Đối tượng giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt của cơ quan, đơn vị, địa phương (Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương).

Nhóm 2: Đối tượng giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương.

Nhóm 3: Đối tượng không giữ chức vụ (chuyên viên, cán sự, nhân viên, công nhân, người lao động).

4. Khi trình khen thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm công khai các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng trên phương tiện thông tin thuộc thẩm quyền quản lý. Việc lấy ý kiến nhân dân trên các phương tiện thông tin và kết quả xử lý thông tin (kể cả đơn thư khiếu nại, tố cáo nếu có) phải báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trước khi quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Ban Thi đua - Khen thưởng lấy ý kiến nhân dân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Website Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh trong thời hạn 07 ngày làm việc.

Chương VI

THỦ TỤC HỒ SƠ, THỜI GIAN TRÌNH HỒ SƠ KHEN THƯỞNG, HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

Điều 18. Thủ tục hồ sơ

1. Thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về bộ thủ tục hành chính áp dụng trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng.

2. Căn cứ tiêu chuẩn của các loại danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, các hồ sơ đề nghị khen thưởng phải đảm bảo số lượng, đầy đủ các thủ tục liên quan và chứng minh đạt được tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định. Để kiểm tra tính xác thực của hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng, khi cần thiết, cơ quan chuyên môn về thi đua, khen thưởng đi cơ sở để thẩm định thành tích hoặc yêu cầu đơn vị trình khen cung cấp các văn bản chứng minh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có đề tài sáng kiến, đạt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cơ sở.

3. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị được khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Nội dung báo cáo thành tích thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (trừ khen thưởng đột xuất và khen theo niên hạn): Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng tính đến thời điểm sở, ban, ngành, địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước 02 tháng; nếu quá thời hạn trên, sở, ban, ngành, địa phương phải bổ sung thành tích của tập thể, cá nhân.

4. Đối với thủ tục, hồ sơ đơn giản (khen thưởng đột xuất)

Các trường hợp xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại Điều 85 của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các doanh nghiệp, hợp tác xã xét và đề nghị khen thưởng ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất.

Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình đề nghị của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các doanh nghiệp;

b) Bản tóm tắt thành tích của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các doanh nghiệp; trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng đề nghị khen thưởng.

Điều 19. Thời gian trình hồ sơ khen thưởng

1. Khen thưởng cấp tỉnh:

a) Khen thưởng thường xuyên: Thời gian trình hồ sơ khen thưởng trước ngày 31 tháng 01 hàng năm. Đối với hệ thống giáo dục và đào tạo, thời gian trình hồ sơ khen thưởng tổng kết năm học trước ngày 01 tháng 7 hàng năm. Các cơ quan, đơn vị chú ý trình hồ sơ khen thưởng sớm để có kết quả khen thưởng kịp thời trao tại Hội nghị tổng kết năm của cơ quan, đơn vị.

b) Khen thưởng theo đợt, chuyên đề: Thời gian trình hồ sơ khen thưởng trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 07 ngày làm việc

c) Khen thưởng đột xuất: Thời gian trình hồ sơ khen thưởng trước 03 ngày làm việc.

2. Khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”: Thời gian trình hồ sơ khen thưởng trước ngày 31 tháng 01 hàng năm. Đối với hệ thống giáo dục và đào tạo, trước ngày 01 tháng 7 hàng năm.

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại: Thời gian trình hồ sơ khen thưởng trước ngày 30 tháng 3 hàng năm. Đối với hệ thống giáo dục và đào tạo, trước ngày 15 tháng 7 hàng năm.

c) Danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”: Thời gian trình hồ sơ khen thưởng bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 15 tháng 11 của năm trước năm tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc.

Ngoài các đợt trên, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xét, đề nghị khen thưởng thành tích đột xuất, thành tích theo chuyên đề và các hình thức khen thưởng đặc thù khác.

Điều 20. Thời gian thông báo kết quả xét khen thưởng

1. Các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định và được cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho đơn vị trình khen biết.

2. Các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo bằng văn bản cho đơn vị trình khen thưởng biết.

Điều 21. Hiện vật khen thưởng

Thực hiện theo Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ Quy định mẫu huân chương, huy chương, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

Điều 22. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại hoặc xác nhận khen thưởng khi các đối tượng có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về lưu trữ.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 23. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nội dung chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Thực hiện trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua và công tác khen thưởng, cụ thể:

a) Chi tổ chức phát động các phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt, thi đua chuyên đề trong phạm vi ngành, địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối;

b) Chi tham gia, tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ, hội thi về thi đua, khen thưởng; tuyên truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến, lấy ý kiến nhân dân

đôi với các trường hợp đề nghị khen thưởng cấp nhà nước trên phương tiện thông tin đại chúng;

c) Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; xây dựng quy chế, chính sách về thi đua, khen thưởng;

d) Chi tổ chức, tham gia hội nghị ký kết giao ước thi đua, hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, biểu dương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua yêu nước;

đ) Chi cho việc trình hồ sơ khen thưởng thành tích cấp Nhà nước;

e) Chi công tác kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo về chính sách khen thưởng ở ngành, địa phương, đơn vị cơ sở;

g) Chi đi học tập kinh nghiệm các điển hình tiên tiến, nhân tố mới các huyện, thành phố trong tỉnh và các tỉnh trong cả nước; đi trao thưởng các hình thức khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước ở cơ sở;

h) Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo, phong trào thi đua, công tác khen thưởng.

Điều 24. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 74, Điều 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Đối với các trường hợp được khen thưởng đột xuất: Tùy theo thành tích, phạm vi, tác dụng nêu gương và khả năng quỹ khen thưởng để khen thưởng thích đáng cho từng trường hợp nhưng tối đa không quá ba lần mức thưởng quy định. Trường hợp đặc biệt, đơn vị trình khen và Ban Thi đua - Khen thưởng thống nhất đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh hình thức khen thưởng và mức thưởng phù hợp với thành tích, công trạng đạt được của tập thể, cá nhân đảm bảo quy định của pháp luật.

3. Đối với tập thể và cá nhân ở các địa phương khác; người Việt Nam làm việc, học tập, định cư ở nước ngoài; người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì kèm theo tặng phẩm lưu niệm có giá trị bằng mức thưởng tương ứng theo quy định của pháp luật. Trường hợp đặc biệt, tặng phẩm lưu niệm có thể có giá trị cao hơn do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các nhà từ thiện, tổ chức, cá nhân có những đóng góp, hỗ trợ cho tỉnh không kèm theo tiền thưởng, trường hợp cần thiết kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

Điều 25. Nguyên tắc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp đó quản lý; nguồn trích, tỉ lệ, mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch và quyết toán theo quy định hiện hành. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh được quản lý tại Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cơ quan, đơn vị đó có trách nhiệm chi tiền thưởng kèm theo hình thức khen thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cơ quan, đơn vị mình quản lý.

3. Đối với các tập thể, cá nhân được Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng: Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm chi từ nguồn Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

4. Đối với các tập thể, cá nhân được Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định khen thưởng: Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các đơn vị trực thuộc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị (trừ các phong trào thi đua nêu tại điểm a khoản 2 Điều 10 của Quy chế này).

5. Khen thưởng các chương trình mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình, trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì mới được chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

6. Quỹ thi đua, khen thưởng phải được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch, hàng năm phải báo cáo quyết toán tình hình sử dụng quỹ theo quy định hiện hành.

Chương VIII

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, THÀNH PHẦN

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Giám đốc Sở Nội vụ kiêm Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng là Phó Chủ tịch thường trực; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;

c) Các thành viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo các cơ quan: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Đảng ủy Khối cơ quan; Đảng ủy Khối doanh nghiệp; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh; Liên đoàn Lao động tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

3. Hội đồng có các nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở

Giao thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn thành lập, quy định nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần đối với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở.

Chương IX

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 28. Kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng tại các cơ quan, đơn vị trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị, địa phương do mình quản lý.

3. Trưởng khối, cụm thi đua có trách nhiệm kiểm tra, giám sát phong trào thi đua theo các giao ước thi đua đã ký kết.

Điều 29. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích

1. Trách nhiệm của cá nhân: Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

2. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương: Chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định các hồ sơ, báo cáo thành tích và tính chính xác của các hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của đơn vị mình trước khi trình cấp trên.

Điều 30. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tập thể được khen thưởng; cá nhân, tập thể có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên có thẩm quyền quyết định khen thưởng, nếu có hành vi vi phạm trong quá trình kê khai, thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng thì sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 96 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003. Thủ tục, hồ sơ hủy bỏ quyết định khen thưởng thực hiện theo Điều 78 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu vinh dự Nhà nước mà vi phạm pháp luật hình sự, bị tòa án xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật và bị tuyên án tù hình phạt tù có thời hạn trở lên thì bị tước danh hiệu vinh dự Nhà nước. Trường hợp bị xét xử oan, sai được cơ quan có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì cá nhân được phục hồi và trao lại danh hiệu đã bị tước. Thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 31. Khiếu nại tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã căn cứ Quy chế này để xây dựng những quy định cụ thể, phù hợp với ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị mình. Ngoài các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và các nội dung thi đua, hình thức khen thưởng trong Quy chế này, Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, địa phương, doanh nghiệp có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ hướng dẫn của bộ, ngành, đoàn thể trung ương và vận dụng Quy chế này để thực hiện

tốt công tác thi đua, khen thưởng, tổ chức xây dựng các phong trào thi đua, phát hiện và bồi dưỡng nhân điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị.

3. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các ngành, các cấp thực hiện Quy chế này.

4. Quá trình thực hiện có phát sinh, vướng mắc, các ngành, các địa phương, các đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, sửa đổi kịp thời. / *NĐ*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

(K) **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



(Signature)
Đặng Minh Thông